1	**Loại 070, khoản 073**	**2.741.125.000**	
	- Mục:6000	**1.269.557.667**	
	+ Tiểu mục 6001	1.269.557.667	Lương biên chế
	- Mục 6100	**839.494.553**	
	+ Tiểu mục 6101	18.559.513	Phụ cấp chức vu.
	+ Tiểu mục 6102	165.084.000	Phụ cấp khu vực
	+ Tiểu mục 6107	3.576.000	Phụ cấp độc hại
	+ Tiểu mục 6112	408.363.000	Phụ cấp ưu đãi
	+ Tiểu mục 6113	8.940.000	Phụ cấp trách nhiệm
	+ Tiểu mục 6115	218.771.040	Phụ cấp thâm niên
	+ Tiểu mục 6149	16.201.000	Phụ cấp lưu động
	- Mục 6250	**38.776.340**	**Phúc lợi tập thể**
	+ Tiểu mục 6253	36.950.000	Tàu xe, nghỉ phép năm
	+ Tiểu mục 6299	1.826.340	Chi khác
	- Mục 6300	**352.518.756**	
	+ Tiểu mục 6301	263.562.826	BHXH
	+ Tiểu mục 6302	45.182.198	BHYT
	+ Tiểu mục 6303	29.793.000	KPCĐ
	+ Tiểu mục 6304	13.980.732	BHTN
	- Mục 6500	**11.151.012**	
	+ Tiểu mục 6501	8.686.012	Tiền điện
	+ Tiểu mục 6502	1.865.000	Tiền nước
	+ Tiểu mục 6504	600.000	Tiền vệ sinh, môi trường
	- Mục 6550	**15.483.368**	**Vật tư văn phòng**
	+ Tiểu mục 6551	4.004.000	Văn phòng phẩm
	+ Tiểu mục 6552	4.990.000	CCDC
	+ Tiểu mục 6599	6.489.368	Vật tư văn phòng khác
	- Mục 6600	**4.632.000**	**Thông tin, tuyên truyền, liên lạc**
	+ Tiểu mục 6605	4.632.000	Thông tin truyền thông
	- Mục 6700	**18.900.000**	**Công tác phí**
	+ Tiểu mục 6701	1.000.000	Tiền vé máy bay, tàu xe
	+ Tiểu mục 6702	3.200.000	Phụ cấp công tác phí
	+ Tiểu mục 6703	2.700.000	Tiền thuê phòng ngủ
	+ Tiểu mục 6704	12.000.000	Khoán công tác phí
	- Mục 6750	**70.000.000**	**Chi phí thuê mướn**
	+ Tiểu mục 6757	70.000.000	Thuê hợp đồng lao động
	- Mục 6900	**28.936.000**	**Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ CTCM và công trình cơ sở hạ tầng**
	+ Tiểu mục 6912	28.736.000	Các thiết bị công nghệ thông tin
	+ Tiểu mục 6913	200.000	Tài sản và thiết bị văn phòng
	- Mục 6950	**29.400.000**	**Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn**

Được quét bằng CamScanner